

Số: 13/CBTT-SDG.2022

Cần Thơ, ngày 15 tháng 08 năm 2022

V/v giải trình BCTC công ty mẹ
đã kiểm toán sáu tháng đầu năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

2.1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán công ty mẹ sáu tháng đầu năm 2022.

2.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính đã kiểm toán sáu tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 **giảm trên 10%**:

- Do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính sáu tháng đầu năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm 2021, các chi phí trong kỳ có giảm nhưng không đáng kể nên lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2022 giảm đến 30% so với cùng kỳ năm 2021.

2.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính trước kiểm toán và sau kiểm toán sáu tháng đầu năm 2022 **tăng trên 10%**:

- Do trong kỳ Công ty có ghi nhận thêm khoản doanh thu hoạt động tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán tăng 72%.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/08/2022 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính công ty mẹ đã kiểm toán sáu tháng đầu năm 2022.
Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Nơi nhận :

- Như trên;
- P.KT;
- Website Công ty.



**BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH
SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ**

ĐVT : đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Sau kiểm toán | | So sánh | Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| | | | Sáu tháng đầu năm 2022 | Sáu tháng đầu năm 2021 | Giá trị | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 111.649.024.135 | 124.582.356.564 | (12.933.332.429) | -10% |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | | 1.978.712.700 | (1.978.712.700) | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 111.649.024.135 | 122.603.643.864 | (10.954.619.729) | -9% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 95.091.447.684 | 99.186.273.119 | (4.094.825.435) | -4% |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 16.557.576.451 | 23.417.370.745 | (6.859.794.294) | -29% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 10.267.620.788 | 14.085.428.193 | (3.817.807.405) | -27% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.452.915.832 | 1.622.356.963 | (169.441.131) | -10% |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay | 23 | | 1.452.915.832 | 1.622.356.963 | (169.441.131) | |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 24 | | | | | |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 1.864.843.329 | 2.017.351.634 | (152.508.305) | -8% |
| 10. Chi phí quản lý DN | 26 | VI.6 | 3.332.033.334 | 4.302.179.975 | (970.146.641) | -23% |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 20.175.404.744 | 29.560.910.366 | (9.385.505.622) | |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 771.396.463 | | 771.396.463 | |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 149.010.764 | | 149.010.764 | |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 622.385.699 | | 622.385.699 | |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 20.797.790.443 | 29.560.910.366 | (8.763.119.923) | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.10 | 2.322.936.561 | 3.220.591.873 | (897.655.312) | |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 18.474.853.882 | 26.340.318.493 | (7.865.464.611) | -30% |

**BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH
SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ**

ĐVT : đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Sáu tháng đầu năm 2022 | | So sánh | |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | | | Sau kiểm toán | Trước kiểm toán | Giá trị | Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 111.649.024.135 | 111.649.024.135 | | |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 111.649.024.135 | 111.649.024.135 | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 95.091.447.684 | 95.091.447.684 | | |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 16.557.576.451 | 16.557.576.451 | | |
| 6. Doanh thu hoạt động TC | 21 | VI.3 | 10.267.620.788 | 2.506.920.788 | 7.760.700.000 | 310% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.452.915.832 | 1.452.915.832 | | |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay | 23 | | 1.452.915.832 | 1.452.915.832 | | |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 24 | | | | | |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 1.864.843.329 | 1.864.843.329 | | |
| 10. Chi phí quản lý DN | 26 | VI.6 | 3.332.033.334 | 3.327.949.075 | 4.084.259 | 0,1% |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 20.175.404.744 | 12.418.789.003 | 7.756.615.741 | |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 771.396.463 | 771.396.463 | | |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 149.010.764 | 149.010.764 | | |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 622.385.699 | 622.385.699 | | |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 20.797.790.443 | 13.041.174.702 | 7.756.615.741 | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.10 | 2.322.936.561 | 2.323.753.413 | (816.852) | |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 18.474.853.882 | 10.717.421.289 | 7.757.432.593 | 72% |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO
CẦN THƠ**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 12 - 34 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 (số cũ là 5703000320) đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 0292 3884919
- Fax : 0292 3821141

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Ủy thác xuất nhập khẩu; Đầu tư kinh doanh bất động sản; In ấn; Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành in, sau in và máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì, nhựa, giấy, phụ gia và hóa chất ngành nhựa các loại.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---|
| Ông Mai Công Toàn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Lê Ngọc Anh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Đỗ Hữu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Phạm Ngọc Khanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2019 |
| Ông Mai Công Quyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2020 |
| Ông Phạm Mạnh Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|------------|---|
| Ông Vũ Bá Chiến | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Đoàn Văn Cường | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Đoàn Văn Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Vũ Xuân Nguyên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thúy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nghiêm Chí Minh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Cường (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Công Toàn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

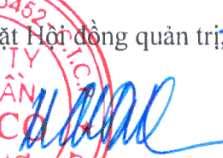
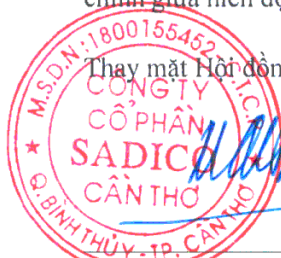
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 


Mai Công Toàn
Chủ tịch

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Số: 4.0224/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 136.754.132.364 | 154.576.745.637 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.529.941.164 | 8.213.328.385 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.529.941.164 | 8.213.328.385 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 31.000.000.000 | 31.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 31.000.000.000 | 31.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 41.246.477.018 | 31.414.736.656 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 36.214.915.308 | 33.196.607.385 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 46.557.709 | 45.650.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 9.820.903.921 | 3.008.379.191 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (4.835.899.920) | (4.835.899.920) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 59.268.441.750 | 83.409.370.658 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 59.268.441.750 | 83.409.370.658 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 709.272.432 | 539.309.938 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 708.945.691 | 79.491.562 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 326.741 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | - | 459.818.376 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 109.679.430.697 | 112.899.612.001 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 51.179.238.141 | 54.430.305.879 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 51.179.238.141 | 54.430.305.879 |
| - Nguyên giá | 222 | | 166.429.616.904 | 176.265.223.831 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (115.250.378.763) | (121.834.917.952) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 99.856.000 | 99.856.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (99.856.000) | (99.856.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 57.485.335.162 | 57.485.335.162 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 53.251.820.004 | 53.251.820.004 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 4.233.515.158 | 4.233.515.158 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.014.857.394 | 983.970.960 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 251.667.000 | 203.050.229 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | V.11 | 763.190.394 | 780.920.731 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 246.433.563.061 | 267.476.357.638 |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 62.466.483.848 | 88.483.852.051 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 62.466.483.848 | 88.483.852.051 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 6.690.002.801 | 4.914.632.970 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 4.389.586.398 | 693.013.152 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 3.936.800.590 | 8.523.987.314 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.15 | 9.996.000.000 | 7.320.000.000 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 10.245.992.991 | 1.055.614.494 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | 23.353.753.242 | 63.970.539.551 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 3.854.347.826 | 2.006.064.570 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

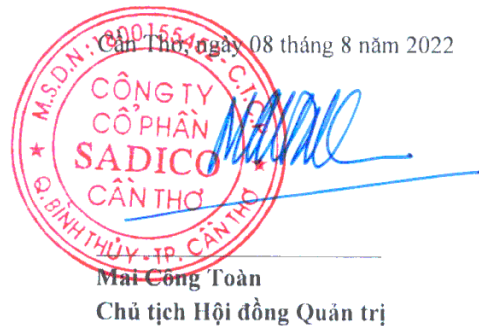
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 183.967.079.213 | 178.992.505.587 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 183.967.079.213 | 178.992.505.587 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19a | 101.399.970.000 | 101.399.970.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 101.399.970.000 | 101.399.970.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.19a | (50.000.000) | (50.000.000) |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.19a | 30.614.312.897 | 29.019.794.757 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19a | 52.002.796.316 | 48.622.740.830 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 33.527.942.434 | 48.622.740.830 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 18.474.853.882 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 246.433.563.061 | 267.476.357.638 |



Huỳnh Thị Hạnh Phúc
 Phó TP Phụ trách Kế toán/Người lập

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2022



Mai Công Toàn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

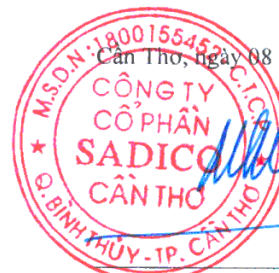
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 111.649.024.135 | 124.582.356.564 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | - | 1.978.712.700 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 111.649.024.135 | 122.603.643.864 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 95.091.447.684 | 99.186.273.119 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 16.557.576.451 | 23.417.370.745 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 10.267.620.788 | 14.085.428.193 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 1.452.915.832 | 1.622.356.963 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.452.915.832 | 1.622.356.963 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 1.864.843.329 | 2.017.351.634 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 3.332.033.334 | 4.302.179.975 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 20.175.404.744 | 29.560.910.366 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 771.396.463 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 149.010.764 | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 622.385.699 | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 20.797.790.443 | 29.560.910.366 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 2.322.936.561 | 3.220.591.873 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>18.474.853.882</u> | <u>26.340.318.493</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | - | - |


Huỳnh Thị Hạnh Phúc
Phó TP Phụ trách Kế toán/Người lập

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2022

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 120.613.949.011 | 127.986.399.444 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (63.997.605.648) | (116.236.378.955) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (17.457.693.802) | (17.976.183.280) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | VI.5 | (1.452.915.832) | (1.681.179.236) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | - | (1.550.587.374) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 9.352.685.881 | 2.208.120.905 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (12.241.042.515) | (19.988.015.703) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 34.817.377.095 | (27.237.824.199) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9 | (1.624.370.370) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.8 | 462.962.963 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (30.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.4 | 3.277.429.400 | 13.660.250.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 2.116.021.993 | (16.339.750.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 30.000.000.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17 | 63.239.214.844 | 126.814.837.580 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (103.856.001.153) | (93.125.537.254) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (10.112.395.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (40.616.786.309) | 53.576.905.326 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (3.683.387.221) | 9.999.331.127 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 8.213.328.385 | 917.943.898 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 4.529.941.164 | 10.917.275.025 |

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2022


Huỳnh Thị Hạnh Phúc
Phó TP Phụ trách Kế toán/Người lập

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô có trụ sở chính tại Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51,06%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 216 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 210 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 tháng).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 07 - 08 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.529.941.164 | 8.213.328.385 |
| Cộng | <u>4.529.941.164</u> | <u>8.213.328.385</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾ | 31.000.000.000 | 31.000.000.000 | 31.000.000.000 | 31.000.000.000 |
| Cộng | <u>31.000.000.000</u> | <u>31.000.000.000</u> | <u>31.000.000.000</u> | <u>31.000.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 53.251.820.004 | - | 53.251.820.004 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô ⁽ⁱ⁾ | 53.251.820.004 | - | 53.251.820.004 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 4.233.515.158 | - | 4.233.515.158 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.682.621.200 | - | 2.682.621.200 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.550.893.958 | - | 1.550.893.958 | - |
| Cộng | 57.485.335.162 | - | 57.485.335.162 | - |

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800561359, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô 3.880.350 cổ phiếu, tương đương 51,06% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.880.350 cổ phiếu, tương đương 51,06% vốn điều lệ).
- (ii) Trong kỳ Công ty được chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển bằng 129.282 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 393.122 cổ phiếu, tương đương 7,75% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên (số đầu năm là 393.122 cổ phiếu, tương đương 7,75 % vốn điều lệ).
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700105088 ngày 02 tháng 02 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang 140.000 cổ phiếu, tương đương 3,05% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 140.000 cổ phiếu, tương đương 3,05% vốn điều lệ (số đầu năm là 140.000 cổ phiếu, tương đương 3,05% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với Công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô là công ty con như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---------------------------------------|----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô | | |
| Bán thành phẩm | 35.536.768.000 | 46.313.363.705 |
| Doanh thu chưa thực hiện | 2.676.000.000 | - |
| Giảm giá hàng bán | - | (1.978.712.700) |
| Cổ tức được chia | 7.760.700.000 | 11.641.050.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>94.556.160</i> | <i>112.358.400</i> |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô | 94.556.160 | 112.358.400 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>36.120.359.148</i> | <i>33.084.248.985</i> |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên - Kiên Giang | 3.300.480.000 | 2.845.508.600 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên | 1.434.240.000 | 748.000.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long | 7.858.528.000 | 7.416.160.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức | 4.499.999.920 | 4.499.999.920 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh | 4.932.271.800 | 5.403.360.000 |
| Công ty TNHH Công nghiệp bao C.P Việt Nam | 3.699.978.060 | 3.130.414.650 |
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV 622 | 2.461.378.343 | 1.408.041.370 |
| Các khách hàng khác | 7.933.483.025 | 7.632.764.445 |
| Cộng | <u>36.214.915.308</u> | <u>33.196.607.385</u> |

Toàn bộ nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị sổ sách tại ngày 30/6/2022 là 36.214.915.308 VND (số đầu năm là 33.196.607.385 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh số V.17).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | | |
| Các nhà cung cấp khác | 46.557.709 | 45.650.000 |
| Cộng | <u>46.557.709</u> | <u>45.650.000</u> |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>7.760.700.000</i> | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Xi Măng Tây Đô | | | | |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 7.760.700.000 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>2.060.203.921</i> | <i>(159.900.000)</i> | <i>3.008.379.191</i> | <i>(159.900.000)</i> |
| Tạm ứng | 1.307.618.989 | - | 1.062.331.244 | - |
| Tiền thù lao Hội đồng quản trị đã chi chờ nguồn bù đắp | 210.000.000 | - | 630.000.000 | - |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn còn phải thu | 382.684.932 | - | 1.156.147.947 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 159.900.000 | (159.900.000) | 159.900.000 | (159.900.000) |
| Cộng | <u>9.820.903.921</u> | <u>(159.900.000)</u> | <u>3.008.379.191</u> | <u>(159.900.000)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------------------|---------------------------|-------------------------|----------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | | | |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vận tải Phan Thành - Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 176.000.000 | - | Trên 3 năm | 176.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức - Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 4.499.999.920 | - | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 4.499.999.920 | - |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến - Phải thu khác | Trên 3 năm | 159.900.000 | - | Trên 3 năm | 159.900.000 | - |
| Cộng | | 4.835.899.920 | - | | 4.835.899.920 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.835.899.920 | 3.485.899.944 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 951.825.276 |
| Số cuối kỳ | 4.835.899.920 | 4.437.725.220 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 29.150.826.052 | - | 60.184.190.813 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 10.116.909.954 | - | 9.914.516.971 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.489.128.333 | - | 3.327.048.961 | - |
| Thành phẩm | 14.508.583.411 | - | 9.983.613.913 | - |
| Hàng hóa | 2.994.000 | - | - | - |
| Cộng | 59.268.441.750 | - | 83.409.370.658 | - |

Toàn bộ nguyên vật liệu, thành phẩm tồn kho có giá trị sổ sách tại ngày 30/6/2022 là 43.659.409.463 VND (số đầu năm là 70.167.804.726 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh số V.17).

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|--------------------|-------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 28.485.748 | 79.491.562 |
| Chi phí tiền thuê đất | 680.459.943 | - |
| Cộng | 708.945.691 | 79.491.562 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------|---------------------------|---------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 230.275.575 | 168.823.958 |
| Chi phí sửa chữa | 21.391.425 | 34.226.271 |
| Cộng | <u>251.667.000</u> | <u>203.050.229</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|--|--|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 29.048.062.817 | 144.960.030.488 | 2.093.670.526 | 163.460.000 | 176.265.223.831 |
| Mua trong kỳ | 310.370.370 | 1.314.000.000 | - | - | 1.624.370.370 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (11.459.977.297) | - | - | (11.459.977.297) |
| Số cuối kỳ | <u>29.358.433.187</u> | <u>134.814.053.191</u> | <u>2.093.670.526</u> | <u>163.460.000</u> | <u>166.429.616.904</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 12.965.332.776 | 30.525.559.716 | 2.093.670.526 | 163.460.000 | 45.748.023.018 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 25.191.042.398 | 94.386.745.028 | 2.093.670.526 | 163.460.000 | 121.834.917.952 |
| Khấu hao trong kỳ | 350.274.174 | 4.525.163.934 | - | - | 4.875.438.108 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (11.459.977.297) | - | - | (11.459.977.297) |
| Số cuối kỳ | <u>25.541.316.572</u> | <u>87.451.931.665</u> | <u>2.093.670.526</u> | <u>163.460.000</u> | <u>115.250.378.763</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 3.857.020.419 | 50.573.285.460 | - | - | 54.430.305.879 |
| Số cuối kỳ | <u>3.817.116.615</u> | <u>47.362.121.526</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>51.179.238.141</u> |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 44.680.187.788 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 763.190.394 | 780.920.731 |
| Trừ dự phòng | - | - |
| Giá trị thuần | <u>763.190.394</u> | <u>780.920.731</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả bên liên quan | 4.411.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây đô | 4.411.000 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 6.685.591.801 | 4.914.632.970 |
| Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An | 2.552.467.500 | 2.635.435.000 |
| Công ty TNHH Đức Thái Nam | 2.086.870.500 | - |
| Công ty Cổ phần Mực in Gia Phát LG | 577.783.800 | 964.527.300 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Lê Hòa | 395.390.700 | 404.869.874 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.073.079.301 | 909.800.796 |
| Cộng | 6.690.002.801 | 4.914.632.970 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|----------------------------|--------------------|--------------------|------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 642.759.938 | - | 4.229.091.301 | (3.209.504.360) | 1.662.346.879 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 153.611.403 | 2.322.936.561 | - | 2.169.325.158 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 50.253.214 | - | 390.166.090 | (392.849.899) | 47.569.405 | - |
| Thuế nhà đất | - | - | 11.654.655 | (11.654.655) | - | - |
| Tiền thuê đất | - | 306.206.973 | 1.020.689.913 | (204.137.984) | 510.344.956 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Cộng | 693.013.152 | 459.818.376 | 7.977.538.520 | (3.821.146.898) | 4.389.586.398 | - |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 20.797.790.443 | 29.560.910.366 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 339.021.764 | 202.299.000 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 21.136.812.207 | 29.763.209.366 |
| Thu nhập được miễn thuế | (9.522.129.400) | (13.660.250.000) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 11.614.682.807 | 16.102.959.366 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.322.936.561 | 3.220.591.873 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| Vị trí đất | Mức tiền thuê/năm |
|---|-------------------|
| - Thửa đất số 17; tờ bản đồ số 25, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 201.090.758 VND |
| - Thửa đất số 97; tờ bản đồ số 50; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 133.031.808 VND |
| - Thửa đất số 19, 51; tờ bản đồ số 36, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 106.977.024 VND |
| - Thửa đất số 37; tờ bản đồ số 06; phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 579.590.323 VND |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương, thưởng còn phải trả | 3.936.800.590 | 4.623.987.314 |
| Quỹ dự phòng tiền lương | - | 3.900.000.000 |
| Cộng | 3.936.800.590 | 8.523.987.314 |

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô | 9.996.000.000 | 7.320.000.000 |
| Cộng | 9.996.000.000 | 7.320.000.000 |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Kinh phí công đoàn | 63.432.900 | 59.645.140 |
| Bảo hiểm xã hội | 32.447.254 | 956.315.039 |
| Cổ tức phải trả | 10.144.547.000 | 4.550.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5.565.837 | 35.104.315 |
| Cộng | 10.245.992.991 | 1.055.614.494 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 23.353.753.242 | 63.970.539.551 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾ | 8.992.706.616 | 29.865.629.241 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾ | 14.361.046.626 | 19.711.874.810 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ | - | 14.393.035.500 |
| Cộng | <u>23.353.753.242</u> | <u>63.970.539.551</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của Công ty; hàng tồn kho hình thành từ vốn vay; máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của Công ty; hàng tồn kho hình thành từ vốn vay; máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | |
|-----------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 63.970.539.551 |
| Số tiền vay phát sinh | 63.239.214.844 |
| Số tiền vay đã trả | <u>(103.856.001.153)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>23.353.753.242</u> |

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Trích lập quỹ trong kỳ</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--------------|-----------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ phúc lợi | 2.006.064.570 | 3.360.283.256 | (1.512.000.000) | 3.854.347.826 |
| Cộng | <u>2.006.064.570</u> | <u>3.360.283.256</u> | <u>(1.512.000.000)</u> | <u>3.854.347.826</u> |

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 71.399.970.000 | (50.000.000) | 26.937.504.960 | 39.150.840.094 | 137.438.315.054 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 26.340.318.493 | 26.340.318.493 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | - | - | 2.082.289.797 | (6.963.404.592) | (4.881.114.795) |
| Chia cổ tức kỳ trước | - | - | - | (10.139.997.000) | (10.139.997.000) |
| Tăng vốn điều lệ từ chương trình ESOP | 30.000.000.000 | - | - | - | 30.000.000.000 |
| Số dư cuối kỳ trước | 101.399.970.000 | (50.000.000) | 29.019.794.757 | 48.387.756.995 | 178.757.521.752 |
| Số dư đầu năm nay | 101.399.970.000 | (50.000.000) | 29.019.794.757 | 48.622.740.830 | 178.992.505.587 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 18.474.853.882 | 18.474.853.882 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | - | 1.594.518.140 | (4.954.801.396) | (3.360.283.256) |
| Chia cổ tức kỳ này | - | - | - | (10.139.997.000) | (10.139.997.000) |
| Số dư cuối kỳ này | 101.399.970.000 | (50.000.000) | 30.614.312.897 | 52.002.796.316 | 183.967.079.213 |

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------|------------------------|------------------------|
| Cổ đông góp vốn | 101.399.970.000 | 101.399.970.000 |
| Cộng | 101.399.970.000 | 101.399.970.000 |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn điều lệ đã góp (VND) | Vốn điều lệ còn phải góp (VND) |
|-----------------|---|------------|--------------------------|--------------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | | |
| Cổ đông góp vốn | 101.399.970.000 | 100 | 101.399.970.000 | - |
| Cộng | 101.399.970.000 | 100 | 101.399.970.000 | - |

19c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.139.997 | 10.139.997 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 10.139.997 | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.139.997 | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.139.997 | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.139.997 | 10.139.997 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 01/2022/ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

| | VND |
|---|-----------------------|
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển (6% Lợi nhuận sau thuế năm 2021) | 1.594.518.140 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (6% Lợi nhuận sau thuế năm 2021) | 1.594.518.140 |
| Chia cổ tức (10%) | 10.139.997.000 |
| Tiền thưởng Chủ tịch Hội đồng quản trị (5% Lợi nhuận sau thuế từ sản xuất kinh doanh) | 645.765.116 |
| Tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 280.000.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 840.000.000 |
| Cộng | 15.094.798.396 |

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**20a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 1.020.689.913 | 1.020.689.913 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 3.267.843.733 | 3.837.573.867 |
| Trên 5 năm | - | 8.914.752 |
| Cộng | 4.288.533.646 | 4.867.178.532 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 19.700,0 m² đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 06; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 579.590.323 VND/năm. Hợp đồng thuê số 23/HĐTD-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 1.222,8 m² đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 133.031.808 VND/năm. Hợp đồng thuê số 23/HĐTD-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 07 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 7.752,1 m² đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 25, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 201.090.758 VND/năm. Hợp đồng thuê số 27/HĐTD-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 2.948 m² đất tại thửa đất số 19, 51, tờ bản đồ số 36, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với giá thuê đất là 106.977.024 VND/năm. Hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thuê số 24/HĐTD-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2001.

20b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 229,89 USD (số đầu năm là 229,89 USD).

20c. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Nguyên nhân xóa sổ</u> |
|--|--------------------|--------------------|---|
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trần Quang Thái | 80.640.710 | 80.640.710 | Không còn đóng tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được |
| Các đối tượng khác | 840.899.991 | 840.899.991 | Không có khả năng thu hồi |
| Cộng | 921.540.701 | 921.540.701 | |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------|--|------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán thành phẩm | 111.179.788.772 | 124.361.660.297 |
| Doanh thu khác | 469.235.363 | 220.696.267 |
| Cộng | 111.649.024.135 | 124.582.356.564 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------|--|----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giảm giá hàng bán | - | 1.978.712.700 |
| Cộng | - | 1.978.712.700 |

3. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------|--|-----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 95.076.954.495 | 99.133.065.393 |
| Giá vốn khác | 14.493.189 | 53.207.726 |
| Cộng | 95.091.447.684 | 99.186.273.119 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 742.536.985 | 418.602.740 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 2.954.403 | 6.575.453 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 9.522.129.400 | 13.660.250.000 |
| Cộng | 10.267.620.788 | 14.085.428.193 |

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 1.452.915.832 | 1.622.356.963 |
| Cộng | 1.452.915.832 | 1.622.356.963 |

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí vật liệu bao bì | 54.674.900 | 39.631.583 |
| Chi phí vận chuyển vỏ bao | 1.157.610.400 | 1.156.429.000 |
| Các chi phí khác | 652.558.029 | 821.291.051 |
| Cộng | 1.864.843.329 | 2.017.351.634 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 5.490.370.751 | 5.397.988.475 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 57.828.882 | 23.393.784 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 4.016.818 | 8.452.726 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.669.500 | 10.669.500 |
| Thuế, phí và lệ phí | 354.884.625 | 351.623.767 |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương | (3.900.000.000) | (3.900.000.000) |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 951.825.276 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 366.339.860 | 785.806.168 |
| Các chi phí khác | 947.922.898 | 672.420.279 |
| Cộng | 3.332.033.334 | 4.302.179.975 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 462.962.963 | - |
| Thu nhập khác | 308.433.500 | - |
| Cộng | 771.396.463 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

| Chi phí khác | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí khác | 149.010.764 | - |
| Cộng | 149.010.764 | - |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 76.970.340.270 | 72.513.036.397 |
| Chi phí nhân công | 15.531.510.007 | 15.134.520.627 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.875.438.108 | 4.997.474.243 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.760.625.016 | 8.197.521.319 |
| Chi phí khác | 1.822.966.627 | 2.475.653.845 |
| Cộng | 106.960.880.028 | 103.318.206.431 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán thành phẩm cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát

| Kỳ này | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng thu nhập |
|------------------------------|-------------|-------------|------------|---------------|
| Ông Mai Công Toàn - Chủ tịch | | | | |
| Hội đồng quản trị | 988.800.000 | 258.500.000 | 30.000.000 | 1.277.300.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | | | | |
|--|---|----------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Mai Công Quyết - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 30.000.000 | 30.000.000 | 60.000.000 |
| Ông Lê Ngọc Anh - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 50.000.000 | 30.000.000 | 80.000.000 |
| Ông Đỗ Hữu Hường - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 30.000.000 | 30.000.000 | 60.000.000 |
| Ông Phạm Ngọc Khanh - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 30.000.000 | 30.000.000 | 60.000.000 |
| Ông Đoàn Văn Cường - Trưởng Ban Kiểm soát | - | 10.000.000 | 30.000.000 | 40.000.000 |
| Ông Nghiêm Chí Minh - Kiểm soát viên | - | 10.000.000 | 15.000.000 | 25.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thúy - Kiểm soát viên | - | 20.000.000 | 15.000.000 | 35.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Cường - Tổng Giám đốc | | 352.588.115 | 114.958.285 | - |
| Cộng | | 1.341.388.115 | 553.458.285 | 210.000.000 |
| | | | | 2.104.846.400 |

| Kỳ trước | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng thu nhập |
|--|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Mai Công Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị | 904.472.650 | 1.552.770.298 | 30.000.000 | 2.487.242.948 |
| Ông Mai Công Quyết - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 50.000.000 | 30.000.000 | 80.000.000 |
| Ông Lê Ngọc Anh - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 50.000.000 | 30.000.000 | 80.000.000 |
| Ông Đỗ Hữu Hường - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 50.000.000 | 30.000.000 | 80.000.000 |
| Ông Phạm Ngọc Khanh - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 50.000.000 | 30.000.000 | 80.000.000 |
| Ông Đoàn Văn Cường - Trưởng Ban Kiểm soát | - | 50.000.000 | 30.000.000 | 80.000.000 |
| Ông Nguyễn Như Tiến - Kiểm soát viên | - | - | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thúy - Kiểm soát viên | - | - | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Cường - Tổng Giám đốc | 349.047.614 | 155.574.848 | - | 504.622.462 |
| Cộng | 1.253.520.264 | 1.958.345.146 | 210.000.000 | 3.421.865.410 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--------------------------------|--------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây đô | Công ty nhận góp vốn của Công ty con |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán thành phẩm cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch mua bê tông và dịch vụ bơm bê tông với Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô với số tiền 4.084.259 VND (cùng kỳ năm trước với số tiền 25.200.000 VND).

Giá thành phẩm cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua vật tư, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

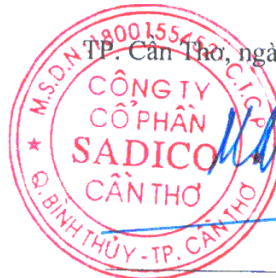
Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất bao bì và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Huỳnh Thị Hạnh Phúc
Phó TP Phụ trách kế toán/Người lập



Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

